

Số: /QĐ-UBND

Thanh Hoá, ngày tháng năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án Đầu tư xây dựng công trình nâng công suất khai thác mỏ đá vôi làm VLXD thông thường tại xã Lộc Thịnh, huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hóa của Công ty TNHH Trường Long

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 1149/QĐ-UBND ngày 04/4/2022 của UBND tỉnh về việc ủy quyền cho Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường; giấy phép môi trường; phương án cải tạo, phục hồi môi trường của các dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh;

Căn cứ Văn bản số 7337/UBND-CN ngày 25/5/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc đồng ý chủ trương cho công ty TNHH Trường Long nâng công suất khai thác mỏ đá tại xã Lộc Thịnh, huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hoá;

Xét văn bản số 8409/STNMT-BVMT ngày 22/9/2022 của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường về kết quả thẩm định báo cáo ĐTM dự án “đầu tư xây dựng công trình nâng công suất khai thác mỏ đá vôi làm VLXD thông thường tại xã Lộc Thịnh, huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hoá”;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 954/Tr-STNMT ngày 04/11/2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án đầu tư xây dựng công trình nâng công suất khai thác mỏ đá vôi làm VLXD thông thường (sau đây gọi là dự án) của Công ty TNHH Trường Long (sau đây gọi là Chủ dự án) thực hiện tại xã Lộc Thịnh, huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hoá với các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện quy định tại Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường và Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường chịu trách nhiệm trước pháp luật và trước UBND tỉnh về kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án đầu tư xây dựng công trình nâng công suất khai thác mỏ đá vôi làm VLXD thông thường của Công ty TNHH Trường Long thực hiện tại xã Lộc Thịnh, huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hoá

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Chủ tịch UBND huyện Ngọc Lặc, Giám đốc Công ty TNHH Trường Long và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3, QĐ;
- Bộ TN&MT (để b/c);
- UBND xã Lộc Thịnh (để giám sát);
- Các ngành có liên quan;
- Lưu: VT, CCBVMT, PgNN.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lê Đức Giang

Phụ lục
CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
Dự án đầu tư xây dựng công trình nâng công suất khai thác mỏ đá vôi làm
vật liệu xây dựng thông thường tại xã Lộc Thịnh, huyện Ngọc Lặc,
tỉnh Thanh Hoá của Công ty TNHH Trường Long

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2022 của
Chủ tịch UBND tỉnh)

1. Thông tin về dự án

1.1. Thông tin chung

- Tên dự án: Đầu tư xây dựng công trình nâng công suất khai thác mỏ đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường
- Địa điểm thực hiện: Xã Lộc Thịnh, huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hoá.
- Chủ dự án đầu tư: Công ty TNHH Trường Long.
- + Người đại diện: Ông Mai Văn Vân - Chức vụ: Giám đốc.
- + Địa chỉ: Thôn Hép, xã Lộc Thịnh, huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hoá.

1.2. Phạm vi, quy mô, công suất

- Dự án đầu tư xây dựng công trình nâng công suất khai thác đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường được thực hiện tại xã Lộc Thịnh, huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hóa.
- Phạm vi dự án: Dự án được thực hiện trên khu đất có diện tích: 60.248 m² Trong đó:
 - + Khu vực khai thác có diện tích là 30.113 m² được giới hạn bởi các điểm góc từ 1 đến 4;
 - + Khu vực khai trường 1 có diện tích là 15.250 m², được giới hạn bởi các điểm góc từ 5 đến 8;
 - + Khu vực khai trường 2 có diện tích là 14.885 m², được giới hạn bởi các điểm góc từ 9 đến 15;
- Quy mô công suất: Công suất khai thác là 80.000m³ đá nguyên khối/năm.

1.3. Các hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư

- Các công trình đã xây dựng tại khai trường: Trạm nghiền: 200 tấn/h; Xưởng xẻ đá: 25 m²; Tuyến đường lên núi: 207 m;
- Các công trình xây dựng bổ sung trong giai đoạn nâng công suất khai thác mỏ: Bãi thải: 1.000 m²; Hồ lắng: 600m³; Bể tách dầu mỡ: 2m³.

1.4. Các yếu tố nhạy cảm về môi trường

- Dự án được thực hiện tại mỏ đá vôi làm vật liệu xây dựng tại xã Lộc Thịnh, huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hoá. Toàn bộ diện tích đất thực hiện Dự án đã được Chủ dự án ký hợp đồng thuê đất với Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa. Trong phạm vi bán kính 300m tính từ ranh giới dự án không có công trình, yếu tố nhạy cảm về môi trường.

2. Hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư có khả năng tác động xấu đến môi trường

2.1. Trong giai đoạn thi công và hoạt động với công suất đã được cấp phép

- Hoạt động thi công xây dựng các hạng mục công trình bổ sung phục vụ nâng công suất khai thác mỏ: Hoạt động thi công làm đường hào cho thiết bị lên núi, thi công làm đường hào cho công nhân lên núi, thi công san gạt mặt bằng khai trường, thi công tạo diện công tác ban đầu; xây dựng, lắp đặt xưởng xẻ; đào hồ lắng, đào hệ thống mương thoát nước mặt tại khai trường và xây rãnh thu nước từ xưởng xẻ ra hồ lắng...

- Hoạt động khai thác, chế biến đá tại khu vực đã được cấp phép trong giai đoạn trước;

- Hoạt động của công nhân thi công, công nhân làm việc tại mỏ;

2.2. Trong giai đoạn vận hành dự án khi nâng công suất

- Hoạt động khoan lỗ mìn, nổ mìn,

- Hoạt động cắt dây kim cương khai thác đá khối;

- Hoạt động bốc xúc vận chuyển đá từ chân tuyến đến khu vực chế biến đá;

- Hoạt động nghiền sàng đá, xẻ đá;

- Hoạt động của các phương tiện bốc xúc, vận chuyển sản phẩm đi tiêu thụ;

- Hoạt động sửa chữa, bảo dưỡng, vệ sinh máy móc thiết bị máy móc phương tiện.

- Hoạt động của công nhân làm việc tại mỏ.

3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh của dự án

3.1. Giai đoạn thi công và hoạt động với công suất đã được cấp phép

3.1.1. Nước thải, khí thải

a. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của nước thải, nước mưa chảy tràn:

- Nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của công nhân với lưu lượng 1,6m³/ngày (gồm nước rửa tay chân và nước nhà vệ sinh, nước thải nhà bếp). Thành phần chủ yếu: Chất rắn lơ lửng, COD, BOD₅, tổng Coliform,....

- Nước thải từ vệ sinh dụng cụ, rửa xe khoảng 1 m³/ngày, vệ sinh máy móc phục vụ khai thác trong khu vực được cấp phép khoảng 2 m³/ngày. Thành phần chủ yếu gồm dầu mỡ và chất rắn lơ lửng.

- Nước mưa chảy tràn tại khu vực mỏ khoảng 12.041 m³/ngày. Thành phần chủ yếu: Bùn đất, rác thải, chất rắn lơ lửng,...

b. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của bụi, khí thải

- Bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động khoan phá đá thi công tuyến đường hào lên núi, bạt ngọn tạo tầng công tác ban đầu, san gạt mặt bằng khai trường;

từ hoạt động khai thác (khoan nổ mìn, cắt dây kim cương), chế biến đá (nghiền sàng) tại khu vực đã được cấp phép; từ hoạt động bốc xúc, trút đổ; hoạt động vận chuyển đất đá thừa; từ các thiết bị thi công xây dựng sử dụng dầu DO,...; Thành phần ô nhiễm chính bao gồm: bụi, CO, SO₂, NO₂.

- Tác động do bụi và khí thải chủ yếu ảnh hưởng đến công nhân thi công và công nhân làm việc tại khu mỏ; đến các hộ dân sinh sống dọc tuyến đường vận chuyển nguyên vật liệu (phục vụ thi công) và vận chuyển sản phẩm (khai thác chế biến tại khu vực đã được cấp phép).

3.1.2. Chất thải rắn, chất thải nguy hại

a. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của CTR thông thường

- Nguồn phát sinh, quy mô của chất thải rắn sinh hoạt: Phát sinh khoảng 10kg/ngày chủ yếu là thức ăn thừa của công nhân, nhựa, giấy, bìa catton, nilong, vỏ chai nhựa, vỏ hộp...

- Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của chất thải rắn thông thường (chất thải xây dựng):

+ Khối lượng đất đá thải: 1.202m³.

+ Chất thải rắn xây dựng vật liệu rời như cát, đá...;

- Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của chất thải rắn thông thường (chất thải từ khai thác chế biến tại khu vực đã được cấp phép):

- Đất đá thải từ khai thác:

+ Lượng đất đá thải phát sinh khoảng: 150m³/năm;

+ Bột đá từ hoạt động cắt dây kim cương: 6,3m³/năm;

b. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của chất thải nguy hại

- Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của chất thải nguy hại:

+ Chất thải rắn nguy hại phát sinh khối lượng khoảng 4 kg/tháng. Thành phần bao gồm: Giẻ lau chùi máy móc, vỏ chai đựng dầu nhớt, pin, ắc quy, nhựa....

+ Chất thải lỏng nguy hại phát sinh khoảng 20 lít/toàn bộ quá trình thi công. Thành phần chủ yếu là dầu thải.

3.1.3. Tiếng ồn, độ rung

Tiếng ồn, độ rung phát sinh từ hoạt động khoan, nổ mìn phá đá thi công các tuyến đường lên núi, bạt ngọn tạo tầng công tác ban đầu, san gạt tạo mặt bằng khai trường, tiếng ồn từ máy nén khí phục vụ khoan lỗ mìn thi công các hạng mục công trình và hoạt động khai thác đá tại khu vực đã được cấp phép. Tác động chủ yếu ảnh hưởng đến công nhân thi công và công nhân làm việc tại khu mỏ.

3.2. Trong giai đoạn vận hành dự án khi nâng công suất

3.2.1. Nước thải, khí thải

a. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của nước thải, nước mưa chảy tràn

- Nước thải từ hoạt động khai thác đá khối bằng công nghệ cắt dây kim

cương có lưu lượng là $1,8\text{m}^3/\text{ngày}$; thành phần chủ yếu: Chất rắn lơ lửng, đá vụn,...

- Nước thải từ quá trình sản xuất đá xẻ có lưu lượng khoảng: $6,0\text{m}^3/\text{ngày}$; thành phần chủ yếu: Chất rắn lơ lửng, bột đá,...

- Nước thải sinh hoạt có lưu lượng khoảng: $1,6\text{m}^3/\text{ngày}$. Thành phần chủ yếu: chất rắn lơ lửng, COD, BOD₅, tổng Coliform;

- Lượng nước mưa chảy tràn phát sinh trong giai đoạn nâng công suất khai thác mỏ khoảng $10.603\text{m}^3/\text{ngày}$; nước mưa thường có nồng độ chất rắn lơ lửng cao và có thể nhiễm các tạp chất khác như: dầu mỡ, rác thải...

b. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của bụi, khí thải:

- Bụi, khí thải phát sinh từ các hoạt động: Khoan lỗ mìn, nổ mìn, cắt dây kim cương, bốc xúc, trút đổ đá và đất thải, nghiền sàng; quá trình vận chuyển; đốt dầu DO.

- Thành phần bụi, khí thải bao gồm: bụi; CO; SO₂ và NO₂,...

3.2.2. Chất thải rắn, chất thải nguy hại

a. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của CTR thông thường

- Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh là: $12,0\text{kg}/\text{ngày}$; chủ yếu là thức ăn thừa của công nhân, nhựa, giấy, bìa carton, nilong, vỏ chai nhựa, vỏ hộp...

- Chất thải rắn từ quá trình khai thác: Lượng đất đá thải hàng năm khoảng $800\text{m}^3/\text{năm}$;

- Chất thải rắn từ quá trình cắt dây kim cương: Tổng lượng bột đá thải $0,126\text{m}^3/\text{ngày}$; Thành phần chủ yếu là bột đá;

- Chất thải rắn từ quá trình chế biến đá:

- + Lượng đá bóc bìa, cắt cạnh từ quá trình sản xuất đá ốp lát chiếm khoảng 40% lượng đá khối sản xuất đá ốp lát, tương đương: $640\text{m}^3/\text{năm}$;

- + Lượng bột đá phát sinh từ quá trình sản xuất đá ốp lát: $0,6\text{m}^3/\text{ngày}$

b. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của CTR nguy hại

- Chất thải rắn nguy hại phát sinh khối lượng khoảng $10\text{kg}/\text{tháng}$. Thành phần bao gồm: Giẻ lau chùi máy móc, vỏ chai đựng dầu nhớt, pin, ắc quy, nhựa....

- Chất thải lỏng nguy hại phát sinh khoảng $154\text{lít}/\text{năm}$. Thành phần chủ yếu là dầu thải.

3.2.3. Các tác động không liên quan đến chất thải

- Tác động do nổ mìn: Khoảng cách an toàn do đá văng trong quá trình nổ mìn đối với người là lớn hơn 250m ; đối với thiết bị và công trình là lớn hơn 150m . Khoảng cách an toàn do chấn động theo tính toán là $59,2\text{m}$.

- Tiếng ồn trong giai đoạn này chủ yếu là do hoạt động của các phương tiện vận chuyển, thiết bị khai thác như máy xúc, ô tô vận chuyển và trạm nghiền sàng.

4. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án

4.1. Giai đoạn thi công và hoạt động với công suất đã được cấp phép

4.1.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải, khí thải

a. Đối với thu gom và xử lý nước thải

a1. Đối với thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt

- Đối với nước thải vệ sinh của công nhân: Được thu gom và xử lý tại nhà vệ sinh tự hoại có thể tích bể tự hoại 10m^3 ;

- Đối với nước thải phát sinh từ hoạt động ăn uống, rửa chân tay: Được xử lý sơ bộ bởi các song chắn rác, giỏ tách rác, lắp đặt trong các chậu rửa và rãnh thu; nước thải sau đó chảy theo đường ống nhựa PVC D60mm chảy vào hệ thống thoát nước tại khu vực khai trường sau đó chảy ra hồ lắng;

- Yêu cầu về bảo vệ môi trường: Thu gom, xử lý toàn bộ nước thải sinh hoạt đạt QCVN 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt.

a2. Đối với thu gom, xử lý nước thải xây dựng

Nước vệ sinh thiết bị máy móc sau mỗi ca sản xuất (của dự án hiện tại) và thi công (nâng công suất cho dự án mới) sẽ được thu gom vào hệ thống mương thu sau đó dẫn vào hồ lắng có thể tích 1.200m^2 ngăn để xử lý. Nước thải sau xử lý được tuần hoàn tái sử dụng để cấp lại cho quá trình sản xuất.

a3. Đối với thu gom nước mưa chảy tràn

- Đối với nước mưa chảy tràn tại khu vực trạm nghiền sàng: được thu gom qua rãnh thoát nước (rãnh đào) có kích thước $0,5\text{m} \times 0,6\text{m}$ dài 214m chảy vào hồ lắng có diện tích 1.200m^2 tại khu khai trường số 1 để lắng cặn;

- Thu dọn vật liệu xây dựng rơi vãi sau mỗi ngày làm việc, không bố trí vật liệu độc hại gần nguồn nước;

- Định kỳ nạo vét hồ lắng, mương thoát nước tránh ngập úng và đảm bảo dung tích xử lý.

a4. Đối với thu gom, xử lý nước thải từ hoạt động cắt dây kim cương

Lượng nước thải phát sinh từ hoạt động khai thác đá khối bằng phương pháp cắt dây kim cương là $3\text{m}^3/\text{ngày}$. Lượng nước này một phần ngấm vào đất, đá, một phần sẽ được định hướng thu gom vào hồ chứa có diện tích 1.200m^2 sâu 2m để xử lý. Nước sau xử lý được tuần hoàn tái sử dụng.

b. Đối với bụi và khí thải

b.1. Đối với bụi và khí thải từ hoạt động thi công xây dựng

- Trang bị đầy đủ bảo hộ lao động gồm: quần áo bảo hộ, mũ, khẩu trang, kính...theo quy định, công nhân phải được bố trí thời gian nghỉ ngơi hợp lý. Số lượng 02 bộ/người/năm.

- Đối với hoạt động đào đắp, hoạt động đổ thải, thực hiện trút đổ đến đâu, san gạt lu lèn đến đó để giảm bụi khuếch tán vào môi trường.

- Thường xuyên phun nước dập bụi tại khu vực thi công và tuyến đường vận chuyển nguyên vật liệu bằng xe téc 5m^3 kết hợp máy bơm nước và ống dẫn

nước mềm, tần suất phun nước 2-4 lần/ngày và tăng số lần phun nước trong điều kiện thời tiết khô hanh.

- Các xe vận tải chuyên chở nguyên vật liệu cho quá trình thi công xây dựng phải có bạt che kín thùng xe, xe chở bùn thải phải được gia cố thùng xe bằng bạt HDPE. Phun nước rửa sạch bùn đất dính bám trên lốp xe trước ra khỏi công trường.

- Bố trí khu vực rửa xe máy và thiết bị trước khi ra khỏi khu vực mỏ; Khu vực rửa xe gần khu vực công ra vào khu mỏ.

b.2. Đối với bụi và khí thải từ hoạt động chế biến tại khu vực đã được cấp phép

- Trang bị bảo hộ lao động cho công nhân như: khẩu trang, kính chống bụi.

- Giám sát chặt chẽ việc sử dụng trang thiết bị bảo hộ lao động của toàn bộ công nhân khai thác.

- Lựa chọn công nghệ nổ mìn vi sai để tăng hiệu quả nổ mìn và bảo vệ tốt môi trường là nhiệm vụ trọng yếu trong khai thác các mỏ lộ thiên.

- Cấp nước liên tục vào các lỗ khoan trong quá trình cắt dây để giảm bụi;

- Phun nước 2-4 lần/ngày bằng biện pháp thủ công với định mức 0,5 lit/m². Phun nước trên toàn bộ mặt bằng chế biến, khu chứa sản phẩm và đường vận chuyển từ khai trường về khu chế biến và tuyến đường từ mỏ về khu chế biến đá với chiều dài tuyến đường là 380 m.

- Các phương tiện vận tải và máy móc phục vụ sản xuất cần phải tuân thủ quy trình kiểm định của Cục Đăng kiểm Việt Nam, bảo dưỡng định kỳ theo quy định;

- Phun ẩm đá ở một số vị trí sau: khu vực cấp liệu, sàng phân loại, đầu rót, băng tải, của hệ thống nghiền sàng để giảm bụi

- Định kỳ kiểm tra, bảo dưỡng, thay thế các chi tiết máy hư hỏng.

- Thu dọn đất đá rơi trên đường vào cuối ngày làm việc.

4.1.2. Các công trình, biện pháp quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại

a. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn sinh hoạt

- Bố trí 2 thùng đựng rác có thể tích 5 lít để thu gom rác thải sinh hoạt của công nhân văn phòng; bố trí 01 thùng rác 20 lít và 06 thùng rác loại 5 lít để thu gom rác thải tại khu nhà bếp, nhà ăn ca. Cuối ngày công nhân vệ sinh công nghiệp của mỏ có trách nhiệm thu gom rác vận chuyển về khu chứa chất thải rắn thông thường. Sau đó Công ty hợp đồng với tổ môi trường tại địa phương thu gom, vận chuyển đi xử lý theo quy định.

- Yêu cầu cán bộ, công nhân khi tham gia thi công thực hiện tốt công tác phân loại, không xả rác thải bừa bãi và giữ vệ sinh chung.

b. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn xây dựng

- Đất đá thừa từ quá trình thi công các hạng mục công trình được vận chuyển về bãi thải sử dụng làm vật liệu san lấp mặt bằng và tận dụng làm vật liệu xây dựng gồm đá 1x2; đá bẫy, đá mặt...

c. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý đất đá thải từ quá trình khai thác

- Lượng đất thải từ quá trình bóc tầng phủ và đất đá thải từ quá trình chế biến sẽ được thu gom, vận chuyển về khu vực sân công nghiệp phối trộn với đá bẫy sử dụng để san lấp mặt bằng cho các công trình xây dựng của Công ty và tại khu vực khai trường số 1.

- Đối với bột đá từ quá trình khoan lỗ cắt dây kim cương được thu gom và tập kết về bãi chứa bột đá tại khu vực sân công nghiệp.

d. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại

- Đối với dầu mỡ thải: Công ty bố trí 02 thùng phi mỗi thùng có dung tích 200 lít để thu gom; Các thùng có nắp đậy, dán nhãn và vận chuyển vào kho chứa chất thải nguy hại tại khai trường có diện tích 36m² để chứa chất thải nguy hại;

- Đối với chất thải nguy hại dạng rắn: giẻ lau dính dầu, pin, acquy hỏng... tiến hành thu gom vào 02 thùng chứa thể tích 60 lít và 20 lít và chuyển vào kho chứa để lưu giữ

- Hợp đồng với Công ty cổ phần Môi trường Nghi Sơn đem đi xử lý theo quy định.

e. Yêu cầu về bảo vệ môi trường:

Thu gom, xử lý chất thải rắn thông thường, nguy hại phát sinh trong quá trình thực hiện Dự án đảm bảo các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định tại Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 và Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

4.1.3. Công trình, biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung

- Phương tiện sử dụng trong thi công đúng số lượng, chủng loại, công suất được duyệt và được kiểm tra, chứng nhận về chất lượng, an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường theo quy định.

- Trang bị bảo hộ lao động giảm ồn cá nhân cho công nhân vận hành phương tiện theo quy định.

- Yêu cầu về bảo vệ môi trường:

+ Tuân thủ QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung và các quy chuẩn môi trường hiện hành khác có liên quan, đảm bảo các điều kiện an toàn, vệ sinh môi trường trong quá trình vận hành;

+ Tuân thủ QCVN 01:2019/BCT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn trong sản xuất, thử nghiệm, nghiệm thu, bảo quản, vận chuyển, sử dụng, tiêu

hủy vật liệu nổ công nghiệp và bảo quản tiền chất thuốc nổ; QCVN 04: 2009/BCT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn trong khai thác lộ thiên.

4.2. Giai đoạn vận hành dự án khi nâng công suất

4.2.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải, khí thải

a. Đối với thu gom và xử lý nước thải:

a1. Đối với thu gom, xử lý nước thải vệ sinh:

- Đối với nước thải vệ sinh của công nhân tại mỏ được thu gom và xử lý tại nhà vệ sinh tự hoại có thể tích bể tự hoại 10m^3 . Nước sau xử lý tại bể tự hoại tiếp tục được dẫn ra hệ thống rãnh thoát nước chung tại khu vực sân công nghiệp sau đó dẫn vào hồ chứa nước có thể tích 2.400m^3 để tiếp tục xử lý. Nước sau xử lý được tuần hoàn cấp lại cho hoạt động phun ẩm giảm bụi tại dự án. Một phần thải ra hệ thống thoát nước chung của khu vực.

- Đối với nước thải phát sinh từ hoạt động ăn uống, rửa chân tay được dẫn trực tiếp ra rãnh thoát nước tại khu vực khai trường sau đó chảy vào hồ lắng có thể tích 2.400m^3 .

- Yêu cầu về bảo vệ môi trường: Thu gom, xử lý toàn bộ nước thải sinh hoạt đạt QCVN 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt,

a2. Đối với thu gom, xử lý nước thải từ hoạt động cắt dây kim cương

- Lượng nước này một phần ngấm vào đất, đá; một phần sẽ được định hướng thu gom vào hệ thống mương thoát nước có kích thước $0,5\text{m} \times 0,6\text{m}$ sau đó chảy vào bể lắng có diện tích 95m^2 , sâu 2m và 110m^2 , sâu 2m tại khai trường để xử lý trước khi thải ra môi trường.

- Yêu cầu về bảo vệ môi trường: Thu gom, xử lý toàn bộ nước thải sinh hoạt đạt QCVN 40:2011/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp.

a3. Đối với thu gom, xử lý nước thải từ quá trình xẻ đá

- Đối với nước thải từ quá trình sản xuất đá ốp lát khoảng $6\text{m}^3/\text{ngày}$; lượng nước thải này được dẫn qua rãnh hở, có kích thước $1\text{m} \times 0,8\text{m}$ vào 2 bể lắng; bể lắng số 1 có thể tích 190m^3 ; bể lắng số 2 có thể tích 220m^3 tại khu vực khai trường; nước thải sau xử lý được bơm tuần hoàn cấp lại cho quá trình sản xuất;

- Định kỳ nạo vét với tần suất 3 tháng/lần để đảm bảo chức năng lắng lọc chất thải rắn và tháo khô sân công nghiệp trong suốt quá trình hoạt động của dự án.

- Yêu cầu về bảo vệ môi trường: Thu gom, xử lý toàn bộ nước thải sinh hoạt đạt QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp.

a4. Đối với thu gom, thoát nước mưa chảy tràn

- Đối với nước mưa chảy tràn tại khu vực khai thác và khai trường tự chảy theo độ dốc tự nhiên sau đó chảy vào hồ lắng tại khu đất thuê thêm có thể tích 1.200m^2 ; sâu 2m chia 2 ngăn để lắng cặn để lắng cặn;

- Định kỳ nạo vét hệ thống rãnh thoát nước và hồ lắng với tần suất 3

tháng/lần trong toàn bộ khu mỏ để đảm bảo thoát nước kịp thời và hiệu quả.

b. Đối với bụi và khí thải:

- Trang bị bảo hộ lao động cho công nhân như: Khẩu trang, kính chống bụi.

- Quá trình cắt dây kim cương cấp nước liên tục vào các lỗ khoan trong quá trình cắt dây để giảm bụi;

- Phun nước 2-4 lần/ngày bằng biện pháp thủ công trên toàn bộ mặt bằng chế biến, khu chứa sản phẩm và đường vận chuyển mỏ về khu chế biến đá với chiều dài tuyến đường là 260 m. Chủ đầu tư sử dụng xe bồn chứa phun nước với tần suất 2 lần/ngày trên tuyến đường vận chuyển ngoại mỏ; bố trí công nhân thu dọn đất đá rơi trên đường vận chuyển ngay khi phát sinh.

- Các phương tiện vận tải và máy móc phục vụ sản xuất cần phải tuân thủ quy trình kiểm định của Cục Đăng kiểm Việt Nam, bảo dưỡng định kỳ theo quy định;

- Đối với dây chuyền nghiền sàng: Lắp hệ thống phun ẩm đá ở một số vị trí sau: khu vực cấp liệu, sàng phân loại, đầu rót, băng tải, của hệ thống nghiền sàng để giảm bụi

- Quá trình xẻ đá: Cấp nước liên tục cho quá trình xẻ đá và cắt cạnh:

+ Nước từ hồ lắng (sau xử lý) được bơm tuần hoàn vào đường ống kẽm có đường kính 60mm; đặt nằm ngang chạy dọc theo chiều dài của xưởng xẻ đá;

+ Tại mỗi vị trí đặt máy xẻ trong xưởng bố trí một ống dẫn nước bằng kẽm đường kính 60mm để cấp nước trực tiếp vào lưỡi cưa để xẻ đá; quét dọn lượng bột đá ướt bị bắn ra ngoài trong quá trình xẻ.

4.2.2. Các công trình, biện pháp quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại

a. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn sinh hoạt:

- Tại khu vực văn phòng: Bố trí 02 thùng đựng rác có thể tích 5 lít để thu gom rác thải sinh hoạt của công nhân văn phòng.

- Tại khu vực nhà bếp và nhà ăn ca: Bố trí 01 thùng rác 20 lít/thùng và 06 thùng rác loại 5 lít/thùng để thu gom rác thải sinh hoạt.

- Hợp đồng với tổ môi trường tại địa phương thu gom, vận chuyển đi xử lý theo quy định.

b. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý CTR từ quá trình khai thác

- Đất đá thải được vận chuyển về bãi thải tại khai trường để tận dụng một phần vào việc san gạt mặt bằng cũng như cải tạo tuyến đường giao thông nội bộ trong các năm khai thác và tận dụng làm nguyên liệu sản xuất đá base. Bãi thải có kích thước 40,0 m × 25,0 m.

c. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý đất đá thải từ quá trình chế biến đá

- Đối với lượng đá bóc bìa, cắt cạnh từ quá trình sản xuất đá ốp lát sẽ phát sinh khoảng $640\text{m}^3/\text{năm}$ được thu gom, vận chuyển về trạm nghiền sàng để sản xuất đá xây dựng.

- Đối với bột đá trong quá trình xẻ đá được thu gom về bãi thải, phơi khô sau đó để bán cho các cơ sở sản xuất gạch không nung hoặc trộn cùng đá bìa để làm vật liệu san lấp.

d. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại

- Đối với dầu mỡ thải: Công ty bố trí 04 thùng có dung tích 200 lít/thùng để thu gom. Các thùng có nắp đậy, dán nhãn và vận chuyển vào kho chứa chất thải nguy hại tại khai trường có diện tích 10m^2 để chứa chất thải nguy hại;

- Đối với chất thải nguy hại dạng rắn: Giẻ lau dính dầu, pin, acquy hỏng... tiến hành thu gom vào 02 thùng có thể tích 60 lít và 20 lít; 02 thùng 50 lít và lưu giữ trong kho chứa.

- Hợp đồng với công ty CP Môi trường Nghi Sơn đem đi xử lý theo quy định.

e. Yêu cầu về bảo vệ môi trường:

Thu gom, xử lý chất thải rắn thông thường, nguy hại phát sinh trong quá trình thực hiện Dự án đảm bảo các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định tại Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 và Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

4.2.3. Công trình, biện pháp giảm thiểu tác động khác, phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường

- Trong quá trình nổ mìn lựa chọn thời điểm nổ mìn hợp lý và được chủ đầu tư thỏa thuận với chính quyền địa phương vào 5h chiều trong ngày. Đồng thời, thông báo rộng rãi cho công nhân và nhân dân trong vùng bằng loa truyền thanh của xã. Vị trí nổ mìn phải đảm bảo khoảng cách đến người tối thiểu 250m và đến công trình tối thiểu 150m.

- Đối với tiếng ồn, độ rung do nổ mìn: Thực hiện theo đúng hộ chiếu nổ mìn.

- Đối với tiếng ồn do hoạt động nghiền sàng, bốc xúc, vận chuyển sản phẩm: Yêu cầu các chủ phương tiện kiểm tra thiết bị thường xuyên và đảm bảo chế độ kiểm định, bảo dưỡng xe máy theo đúng định kỳ quy định; lắp đặt các dây chuyền nghiền sàng đúng với tiêu chuẩn kỹ thuật.

- Mỗi công nhân tham gia khai thác và chế biến được trang bị đầy đủ bảo hộ lao động cần thiết theo đặc thù công việc.

- Lập kế hoạch và đảm bảo các phương án cần thiết để phòng ngừa và ứng cứu sự cố môi trường, an toàn lao động trong quá trình hoạt động của Dự án (đặc biệt là sự cố sạt lở bờ mỏ, sự cố rò rỉ, cháy nổ, sét).

- Lập kế hoạch, phương án phòng cháy, chữa cháy: Trang bị bình chữa cháy, kiểm tra đường dây, thiết bị điện, cấm hút thuốc ở gần kho vật liệu nổ công nghiệp.

- Yêu cầu về bảo vệ môi trường:

- + Tuân thủ QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung và các quy chuẩn môi trường hiện hành khác có liên quan, đảm bảo các điều kiện an toàn, vệ sinh môi trường trong quá trình vận hành;

- + Tuân thủ QCVN 01:2019/BCT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn trong sản xuất, thử nghiệm, nghiệm thu, bảo quản, vận chuyển, sử dụng, tiêu hủy vật liệu nổ công nghiệp và bảo quản tiền chất thuốc nổ; QCVN 04:2009/BCT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn trong khai thác lộ thiên.

4.2.4. Nội dung cải tạo, phục hồi môi trường

a. Phương án cải tạo, phục hồi môi trường được lựa chọn thực hiện

- Đối với khu vực moong khai thác: San gạt moong khai thác; lấp đặt biển cảnh báo nguy hiểm; bổ sung đất màu và trồng cỏ gừng tại moong khai thác.

- Đối với khu vực khai trường: Di dời máy móc, thiết bị; san gạt, bổ sung đất màu và trồng cây.

- Đối với khu vực đường ngoại mỏ: Cải tạo lại tuyến đường ngoại mỏ.

b. Kế hoạch thực hiện; kinh phí cải tạo, phục hồi môi trường

- Tổng kinh phí cải tạo, phục hồi môi trường sau khi nâng công suất mỏ là: **801.526.355** đồng.

- Công ty đã thực hiện đóng tiền ký quỹ bảo vệ môi trường với tổng số tiền là: 267.648.383 đồng (*Theo bảng xác nhận Công nợ tiền ký quỹ cải tạo phục hồi môi trường của Quỹ BVMT Thanh Hóa tại văn bản số 174/QBVMT-TBKQ ngày 24/3/2022 và văn bản số 69/QBVMT-XNKQ ngày 29/3/2022*).

- Tổng kinh phí cải tạo, phục hồi môi trường còn lại công ty phải thực hiện ký quỹ: 533.877.972 đồng.

- Số lần ký quỹ 24 lần:

- + Số tiền ký quỹ lần đầu: 80.081.696 đồng; Thời gian thực hiện việc ký quỹ lần đầu không quá 30 ngày kể từ ngày được phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường;

- + 23 (hai ba) lần tiếp theo, số tiền mỗi lần: 19.730.273 đồng; Việc ký quỹ từ lần thứ hai trở đi trong khoảng thời gian không quá 7 ngày kể từ ngày cơ quan thẩm quyền công bố chỉ số giá tiêu dùng của năm trước năm ký quỹ.

- Đơn vị nhận ký quỹ: Quỹ Bảo vệ môi trường Thanh Hoá.

Số tiền nêu trên chưa bao gồm yếu tố trượt giá sau năm 2022. Yếu tố trượt giá được xác định bằng số tiền ký quỹ hàng năm nhân với chỉ số giá tiêu dùng của các năm trước đó tính từ thời điểm phương án được phê duyệt. Chỉ số giá tiêu dùng hàng năm áp dụng theo công bố của Tổng cục Thống kê cho địa phương nơi khai thác khoáng sản hoặc cơ quan có thẩm quyền.

4.2.5. Biện pháp phòng ngừa, ứng phó với rủi ro, sự cố môi trường

- Sự cố sạt lở moong khai thác: Thực hiện các biện pháp kỹ thuật an toàn trong suốt quá trình khai thác mỏ; khai thác đúng thiết kế đã được phê duyệt; giám sát sự cố sạt lở moong khai thác; khi xảy ra sự cố, di dời người và thiết bị đến nơi an toàn, gia cố khu vực bị sạt lở.

- Sự cố tai nạn lao động: Lắp đặt bảng nội quy an toàn lao động. Trang bị đầy đủ bảo hộ lao động theo quy định tại từng khâu sản xuất. Tuyên truyền, tập huấn nâng cao ý thức người lao động. Khi xảy ra sự cố, kịp thời sơ cứu người bị nạn và đưa đi cấp cứu tại cơ sở y tế gần nhất, thông báo với các cơ quan chức năng quản lý lao động có liên quan.

Danh mục các công trình bảo vệ môi trường chính của dự án

STT	Công trình/biện pháp	Đơn vị	Khối lượng
I	Giai đoạn thi công xây dựng		
1	Máy bơm và đường ống phun nước giảm bụi.	bộ	02
2	Bể tự hoại 3 ngăn	m ³	10
3	Hồ lắng	m ³	2.400
4	Thùng chứa rác sinh hoạt dung tích 20 lít	thùng	1
5	Thùng chứa rác sinh hoạt dung tích 5 lít	thùng	8
6	Thùng chứa chất thải nguy hại dạng lỏng 200 lít	thùng	2
7	Thùng chứa chất thải nguy hại dạng rắn loại 60 lít	thùng	1
8	Thùng chứa chất thải nguy hại dạng rắn loại 20 lít	thùng	1
9	Rãnh xây thu nước thải khu vực 2 xưởng xẻ kích thước 98m×1m×0,8m	m	17
10	Rãnh đào thoát nước khu vực khai trường kích thước 214m×0,5m×0,6m	m	214
11	Rãnh đào thoát nước mỏ kích thước 1m×0,8m	m	45
12	Xây bể tách dầu mỡ	m ³	2
13	Kho chứa chất thải nguy hại	m ²	10
14	Bãi thải	m ²	1.000
II	Giai đoạn khai thác, chế biến		
1	Hệ thống phun nước giảm bụi tại khu vực nghiền sàng	bộ	1
2	Trang bị mới thùng rác dung tích 50 lít	cái	2
3	Trang bị 2 thùng 50l để chứa chất thải nguy hại dạng rắn và 1 thùng 200l để chứa chất thải nguy hại dạng lỏng	bộ	2
4	Bể lắng xử lý nước thải xưởng xẻ Bể 1: Kích thước: 19x5x2m Bể 2: Kích thước: 22x5x2m	Bể	2
5	Bể lắng 02 ngăn: 10 x 5 x 2m	m ³	100

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của chủ dự án

Chủ đầu tư đề xuất thực hiện giám sát chất lượng môi trường không khí với các thông tin cụ thể như sau:

5.1. Giám sát chất lượng không khí, khí thải:

- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần.
- Vị trí giám sát: 2 vị trí:
 - + 01 điểm tại trung tâm khu vực khai thác.
 - + 01 điểm tại khu vực nghiền sàng.
- Thông số giám sát (tại 2 điểm trên): bụi và tiếng ồn, độ rung, CO, NO₂, SO₂.
- Tiêu chuẩn so sánh:
 - + QCVN 05:2013/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh.
 - + QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn;
 - + QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung;
 - + QCVN 24:2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc;
 - + QCVN 26:2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vi khí hậu, giá trị cho phép vi khí hậu tại nơi làm việc.
 - + QCVN 02:2019/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi – giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc.

5.2. Giám sát sạt lở, sụt lún:

- Vị trí giám sát: Khu vực bờ moong khai trường khai thác có mái taluy; tuyến đường vận chuyển.
- Tần suất thực hiện: Hàng ngày.

5.3 Giám sát an toàn nổ mìn:

- Vị trí giám sát: Moong khai thác.
- Tần suất: Theo hoạt động nổ mìn tại mỏ.

6. Các điều kiện có liên quan đến môi trường:

- Chỉ được phép triển khai Dự án sau khi đã cấp có thẩm quyền điều chỉnh giấy phép khai thác theo quy định.
- Đảm bảo sự phù hợp của Dự án với các quy hoạch có liên quan đã được phê duyệt; chủ động phối hợp với cơ quan chức năng, cộng đồng dân cư để phòng ngừa, giải quyết các vấn đề môi trường phát sinh trong quá trình hoạt động của Dự án.
- Đảm bảo khoảng cách an toàn về môi trường đối với khu dân cư theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.
- Tổ chức khai thác theo đúng toạ độ, diện tích, trữ lượng được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép; tuân thủ nghiêm ngặt các quy định của pháp luật hiện hành về sử dụng vật liệu nổ công nghiệp phục vụ cho hoạt động khai

thác mỏ, đặc biệt là Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 01:2019/BCT về an toàn trong sản xuất, thử nghiệm, nghiệm thu, bảo quản, vận chuyển, sử dụng, tiêu hủy vật liệu nổ công nghiệp và bảo quản tiền chất thuốc nổ và Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia QCVN 04:2009/BCT về an toàn trong khai thác mỏ lộ thiên.

- Tuân thủ nghiêm ngặt các giải pháp kỹ thuật liên quan đến việc xây dựng bãi thải, công tác đổ thải theo đúng thiết kế và quy định của cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

- Thiết kế cơ sở của Dự án, bao gồm các công trình bảo vệ môi trường phải được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận; Chủ dự án phải chịu trách nhiệm về công tác an toàn và bảo vệ môi trường trong suốt quá trình triển khai thực hiện Dự án.

- Tuân thủ nghiêm túc công tác bảo vệ môi trường trong quá trình cải tạo, phục hồi môi trường, chế độ thông tin, báo cáo về việc thực hiện nội dung của báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt theo các yêu cầu của Quyết định này và các quy định hiện hành khác.

- Theo dõi, giám sát xói mòn, trượt lở đất đá, giám sát rung chấn trong quá trình nổ mìn, giám sát hệ thống thoát nước, giám sát an toàn công trình để có giải pháp xử lý kịp thời nhằm ngăn ngừa hiện tượng biến dạng bề mặt, dịch chuyển, sạt lở đất đá; khi phát hiện có dấu hiệu xảy ra sự cố phải dừng ngay các hoạt động khai thác, khẩn trương đưa người và thiết bị ra khỏi khu vực nguy hiểm, đồng thời phối hợp với cơ quan có thẩm quyền để xử lý.

- Tuân thủ các biện pháp an toàn trong phòng, chống sự cố cháy nổ, trượt lở, sụt lún, đá lăn, đá văng trong khu vực khai thác và các tuyến đường vận tải mỏ nhằm đảm bảo an toàn cho người và thiết bị; thực hiện nghiêm túc công tác cảnh báo nguy hiểm, thông báo tới công nhân và dân cư xung quanh thời gian, kế hoạch nổ mìn và các hoạt động có rủi ro cao khác.

- Tuân thủ nghiêm túc công tác cải tạo, phục hồi môi trường, chế độ thông tin, báo cáo về việc thực hiện nội dung phương án cải tạo, phục hồi môi trường đã được phê duyệt tại Quyết định này và theo quy định của pháp luật hiện hành; nội dung phương án cải tạo, phục hồi môi trường và những yêu cầu bắt buộc về môi trường nêu trong Quyết định này là cơ sở để các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền thanh tra, kiểm tra, xác nhận thực hiện công tác ký quỹ và cải tạo, phục hồi môi trường của Dự án.

- Phối hợp chặt chẽ với Sở Tài nguyên và Môi trường trong quá trình thực hiện Dự án để đảm bảo các yêu cầu về bảo vệ môi trường./.